

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/DS-ST.

Ngày: 15-5-2023

V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tân

Bà Trần Thị Mỹ Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 và 15 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 06 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST – DS ngày 31/03/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: Số B, Đường N, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: ông La Thanh V – Phó phòng giao dịch N (có mặt)

Địa chỉ: Số C, đường M, khóm A, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn T (vắng mặt).

2. Bà Danh Cẩm B (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T1 (vắng mặt).

2. Bà Đặng Thị B1 (vắng mặt).
3. Ông Nguyễn Văn T2 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 04/10/2017 Ngân hàng thương mại cổ phần S – chi nhánh S1- Phòng G (gọi tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng tín dụng số LD1727000637 với ông Nguyễn Văn T và bà Danh Cẩm B, theo đó Ngân hàng cho ông T, bà B vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, thời hạn trả nợ gốc chia làm 20 kỳ, mỗi kỳ trả 15.000.000 đồng, trả lãi 03 tháng /lần với lãi suất 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi suất nợ lãi trả chậm là 10%/năm.

Để đảm bảo khoản vay trên ông T, bà B đã thế chấp Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BM768225 và sổ vào sổ CH02247, tờ bản đồ 49, thửa số 78, có diện tích là 7.327,9 m², mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 300 m², đất trồng cây lâu năm 7.027,9 m² tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Sóc Trăng (nay là Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng) do UBND huyện N cấp ngày 18/02/2014 cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Danh Cẩm B theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD1727000637.1 ngày 04/10/2017.

Từ khi vay đến nay, bên ông T, bà B không thực hiện đúng hợp đồng và tính đến ngày 10/05/2023 còn nợ Ngân hàng số tiền là 118.017.308 đồng. Trong đó: vốn gốc là 90.000.000 đồng; Lãi trong hạn là 8.992.644 đồng; Lãi quá hạn là 17.798.106 đồng, lãi phạt là 1.226.558 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T và bà Danh Cẩm B trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng số tiền còn nợ là 118.017.308 đồng. Trong đó: vốn gốc là 90.000.000 đồng; Lãi trong hạn là 8.992.644 đồng; Lãi quá hạn là 17.798.106 đồng, lãi phạt là 1.226.558 đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Danh Cẩm B không trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng thì đề nghị Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

2/ Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Danh Cẩm B: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho các bị đơn biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng cứ và hòa giải cho các bị đơn nhưng không có văn bản trả lời, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và cũng không cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

3/ Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1, bà Đặng Thị B1, ông Nguyễn Văn T2: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có văn bản trả lời, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và cũng không cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

4/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt là chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Danh Cẩm B trả cho nguyên đơn số nợ, lãi vay và không chấp nhận lãi phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, đồng thời bị đơn có nơi cư trú ở Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai theo đúng trình tự thủ tục tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc thì thấy: ông Nguyễn Văn T và bà Danh Cẩm B có vay của Ngân hàng số tiền 300.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số LD1727000637 ngày 04/10/2017. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông T và bà B đã trả gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 10/5/2023 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 118.017.308 đồng, trong đó nợ gốc là 90.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 8.992.644 đồng, lãi quá hạn là 17.798.106 đồng và lãi phạt là 1.226.558 đồng.

Như vậy trên thực tế giữa Ngân hàng với ông T và bà B có giao kết hợp đồng tín dụng để vay số tiền là 300.000.000 đồng, các bên tiến hành giao kết Hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật, do đó hợp đồng tín dụng nêu trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi vay thì ông T, bà B không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn vay theo đúng cam kết, theo thỏa thuận nên đã vi phạm Hợp đồng vay vốn mà hai bên đã ký kết.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông T, bà B trả số tiền vốn vay còn lại là 90.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Tại Tòa, Ngân hàng yêu cầu tính lãi suất theo hợp đồng tín dụng trên số tiền vốn vay theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả xong số tiền vốn vay. Xét thấy mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng, cụ thể số tiền lãi tính đến ngày 10/05/2023 lãi trong hạn còn phải trả: là 8.992.644 đồng, lãi quá hạn là 17.798.106 đồng và lãi phạt là 1.226.558 đồng.

Đối với phần lãi phạt, các bên có thỏa thuận trong hợp đồng mà các bên ký kết, phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời số tiền lãi trên Ngân hàng đã tính đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nên yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy tổng số tiền vốn vay, tiền lãi vay ông T, bà B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng là 118.017.308 đồng, trong đó nợ gốc là 90.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 8.992.644 đồng, lãi quá hạn là 17.798.106 đồng và lãi phạt là 1.226.558 đồng.

[2.3] Về xử lý tài sản thế chấp: Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD1727000637.1 ngày 04/10/2017 được ký kết giữa Ngân hàng và ông T, bà B thì bị đơn đã thế chấp cho Ngân hàng Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BM768225 và sổ vào sổ CH02247, tờ bản đồ 49, thửa số 78, có diện tích là 7.327,9 m², mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn

300 m², đất trồng cây lâu năm 7.027,9 m² tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Sóc Trăng (nay là Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng) do UBND huyện N cấp ngày 18/02/2014 cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Danh Cẩm B, về hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp trên phù hợp với quy định của pháp luật và việc thế chấp có đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên Hợp đồng trên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Nay Ngân hàng yêu cầu nếu ông T, bà B không có khả năng thanh toán nợ vay thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ. Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông T, bà B phải chịu là 900.000 đồng theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Do phía nguyên đơn Ngân hàng đã nộp nên phía bị đơn ông T, bà B phải trả lại số tiền này cho phía nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.901.000 đồng theo quy định, khoản 2, điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm: như đã phân tích, phần lãi phạt mà nguyên đơn yêu cầu là có căn cứ, các phần khác phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, Điều 147, Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 318; Điều 325; Điều 463; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.
2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Danh Cẩm B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền vốn và lãi vay là 118.017.308 đồng (trong đó

nợ gốc là 90.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 8.992.644 đồng, lãi quá hạn là 17.798.106 đồng và lãi phạt là 1.226.558 đồng)

Kể từ ngày 10/5/2023, ông Nguyễn Văn T và bà Danh Cẩm B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP S có đơn yêu cầu thi hành án nếu phía bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Danh Cẩm B không thanh toán số tiền trên thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là thế chấp Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BM768225 và sổ vào sổ CH02247, tờ bản đồ 49, thửa số 78 có diện tích là 7.327,9 m², mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 300 m², đất trồng cây lâu năm 7.027,9 m² tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Sóc Trăng (nay là Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng) do UBND huyện N cấp ngày 18/02/2014 cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Danh Cẩm B theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD1727000637.1 ngày 04/10/2017 để Ngân hàng thu hồi nợ.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc Nguyễn Văn T và bà Danh Cẩm B trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền là 900.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T và bà Danh Cẩm B phải chịu là 5.901.000 đồng.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.485.000 đồng theo biên lai thu số 0002636 ngày 22/06/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trúc Phương